

Số: /BC-UBND

Giao Minh, ngày tháng năm 2025

BÁO CÁO
Tình hình, đánh giá kết quả chuyển đổi số năm 2025

I. TÌNH HÌNH THỰC HIỆN CÁC CHỈ TIÊU, NHIỆM VỤ NĂM 2025

1. Tình hình, kết quả triển khai thực hiện

- Về công tác chỉ đạo, điều hành: Xã đã chủ động ban hành Kế hoạch Chuyển đổi số năm 2025 và các văn bản chỉ đạo cụ thể hóa các mục tiêu của tỉnh. 100% cán bộ, công chức xã đã tham gia học tập, quán triệt các nội dung về chuyển đổi số. Đặc biệt, xã đã tổ chức các hoạt động thiết thực, hiệu quả hưởng ứng Ngày Chuyển đổi số quốc gia 10/10/2025, bao gồm: tổ chức sự kiện tuyên truyền tại Nhà văn hóa xã, treo băng rôn tại các khu vực trung tâm và tăng cường phổ biến trên hệ thống truyền thanh cơ sở, góp phần nâng cao nhận thức cho người dân.

- Về chỉ tiêu Dịch vụ công trực tuyến: Công tác Cải cách hành chính gắn với chuyển đổi số được đẩy mạnh. Tỷ lệ dịch vụ công toàn trình và dịch vụ công một phần có phát sinh hồ sơ tại xã đạt 100%, vượt chỉ tiêu giao tại Kế hoạch của tỉnh. Tỷ lệ hồ sơ tiếp nhận và giải quyết trực tuyến của xã đạt 100%. Đã có 2.780 hồ sơ được số hóa và lưu trữ thành công trên Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính, đảm bảo yêu cầu về quản lý, tra cứu và chia sẻ dữ liệu.

- Về chỉ tiêu phát triển Xã hội số: Xã đã tích cực chỉ đạo triển khai sử dụng ứng dụng VNeID trên địa bàn, với 14.590 người dân trưởng thành (đạt tỷ lệ 65% tổng dân số) đã cài đặt và kích hoạt VNeID mức độ 2. Tổ công nghệ số cộng đồng hoạt động tích cực, đảm bảo tỷ lệ người dân trưởng thành được phổ cập kỹ năng số cơ bản về sử dụng dịch vụ công trực tuyến, thanh toán không dùng tiền mặt đạt 80%.

2. Công tác ban hành văn bản lãnh đạo, chỉ đạo

- Đã ban hành Quyết định thành lập Ban Chỉ đạo Chuyển đổi số và Tổ giúp việc của xã, đảm bảo kiện toàn về số lượng và phân công trách nhiệm rõ ràng, cụ thể cho từng thành viên; ban hành các Kế hoạch triển khai công tác chuyển đổi số trên địa bàn xã.

- Hoàn thành ban hành Quy chế về quản lý, vận hành và sử dụng các hệ thống thông tin nội bộ (Quy chế sử dụng Hệ thống QLVB và Điều hành, Quy chế về an toàn thông tin mạng), làm cơ sở pháp lý cho việc triển khai công nghệ thông tin an toàn và hiệu quả tại xã.

- Ban hành Quyết định phân công công chức phụ trách CNTT kiêm nhiệm, đồng thời xây dựng cơ chế hỗ trợ kịp thời nhằm đảm bảo nhiệm vụ chuyên môn được thực hiện thông suốt.

(Chi tiết theo Biểu mẫu 1.4)

3. Tình hình, kết quả triển khai thực hiện nhiệm vụ chuyển đổi số

3.1. Hỗ trợ đầu tư, nâng cấp hạ tầng trang thiết bị, phần mềm đảm bảo an toàn thông tin

- Công tác đảm bảo hạ tầng được chú trọng. Xã đã tiến hành rà soát, đánh giá toàn diện tình trạng thiết bị CNTT hiện có (máy tính, máy in, mạng) tại Trung tâm Phục vụ hành chính công và các phòng ban, kịp thời tổng hợp nhu cầu và đề xuất phương án nâng cấp lên cấp trên.

- Xã đã triển khai các đề xuất nâng cấp trang thiết bị, đường truyền internet để triển khai có hiệu quả công tác điều hành và thực hiện các thủ tục hành chính. Các giải pháp đảm bảo an toàn thông tin mạng được thực hiện nghiêm túc, bao gồm việc cài đặt, cập nhật phần mềm bảo mật theo hướng dẫn và tuân thủ quy trình sao lưu dữ liệu định kỳ, đảm bảo môi trường làm việc an toàn, liên tục.

(Chi tiết lại Phụ lục đính kèm)

3.2. Hỗ trợ hoạt động Tổ công nghệ số cộng đồng

Hoạt động của Tổ công nghệ số cộng đồng được duy trì hiệu quả:

- Đã thành lập và duy trì hoạt động 21 Tổ công nghệ số cộng đồng tại 21 xóm, đạt tỷ lệ 100%.

- Các Tổ đã tổ chức các buổi hướng dẫn kỹ năng số cơ bản cho người dân. Các hoạt động trọng tâm bao gồm: hướng dẫn cài đặt và sử dụng các ứng dụng số thiết yếu (VNeID, Zalo, ứng dụng thanh toán), hỗ trợ người dân thực hiện thủ tục hành chính trực tuyến tại nhà hoặc tại các điểm công cộng.

- Xã đã xây dựng cơ chế hỗ trợ kịp thời về tài liệu, công cụ và kinh phí hoạt động lồng ghép cho Tổ công nghệ số cộng đồng, khuyến khích các thành viên nhiệt tình, tích cực tham gia, làm cầu nối quan trọng giữa Chính quyền số và Xã hội số.

(Chi tiết theo Biểu mẫu 1.3)

II. KẾT QUẢ CHUYỂN ĐỔI SỐ NĂM 2025

1. Công tác lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành; kiểm tra, giám sát hoạt động chuyển đổi số tại địa phương

a. Kết quả đạt được:

- Đã thành lập và kiện toàn Ban Chỉ đạo Chuyển đổi số của xã; thường xuyên rà soát, củng cố đội ngũ công chức kiêm nhiệm phụ trách CNTT và phân công

trách nhiệm cụ thể cho các thành viên Ban Chỉ đạo, đặc biệt là vai trò người đứng đầu trong lãnh đạo, chỉ đạo.

- Thường xuyên tổ chức các phiên họp/giao ban chuyên đề về chuyển đổi số để đánh giá tiến độ, kịp thời tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong quá trình triển khai.

- Kịp thời ban hành Kế hoạch Chuyển đổi số năm 2025 của xã và các văn bản chỉ đạo, đôn đốc triển khai nhiệm vụ.

- Tổ chức thành công các hoạt động thiết thực hưởng ứng Ngày Chuyển đổi số quốc gia 10/10, tăng cường tuyên truyền, phổ biến nâng cao nhận thức cho cán bộ, công chức và người dân, tạo sự đồng thuận xã hội.

- 100% cán bộ, công chức, viên chức xã gương mẫu ký số văn bản và sử dụng dịch vụ công trực tuyến trên môi trường mạng, tạo tiền đề để người dân làm theo.

b. Tồn tại, hạn chế:

- Tần suất kiểm tra, giám sát chuyên sâu về kỹ thuật, an toàn thông tin đôi khi chưa được thực hiện thường xuyên do hạn chế về nhân lực chuyên trách và chưa có công cụ hỗ trợ tự động.

- Việc theo dõi, đánh giá định lượng chi tiết kết quả thực hiện các chỉ tiêu theo thời gian thực (real-time) còn phụ thuộc chủ yếu vào báo cáo thủ công, chưa tận dụng triệt để các hệ thống thông tin báo cáo.

- Về nguồn lực và tính đồng bộ: Hoạt động của Ban Chỉ đạo và Tổ giúp việc chủ yếu là kiêm nhiệm, chưa có cơ chế hỗ trợ và khuyến khích kịp thời, ảnh hưởng đến thời gian và chất lượng tham mưu.

c. Đề xuất giải pháp:

- Đề nghị Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh tăng cường tập huấn, bồi dưỡng nghiệp vụ chuyên sâu cho công chức xã về công tác kiểm tra, giám sát hoạt động chuyển đổi số, an toàn thông tin mạng và khai thác dữ liệu báo cáo từ các hệ thống dùng chung. Xây dựng và ban hành Quy chế hoạt động của Ban Chỉ đạo và Tổ giúp việc Chuyển đổi số của xã, trong đó có quy định rõ ràng về chế độ báo cáo và kinh phí hỗ trợ hoạt động.

- Đề xuất tỉnh hỗ trợ cấp xã các công cụ, nền tảng để tự động hóa việc theo dõi, giám sát tiến độ thực hiện các chỉ tiêu, đặc biệt là chỉ tiêu Dịch vụ công trực tuyến.

2. Hạ tầng số

a. Kết quả đạt được:

- Số cán bộ, công chức, viên chức: 36;

- Số máy tính (máy để bàn/máy tính xách tay): 37;

- Số máy in: 36;

- Số máy photocopy: 02;
- Số máy scan: 10;
- Số thiết bị công nghệ thông tin khác: 15;
- Số đường truyền Internet: 3;
- Số đường truyền chuyên dùng: 02;
- Đánh giá kết quả đạt được:

+ Mạng truyền số liệu chuyên dùng: Hạ tầng mạng truyền số liệu chuyên dùng từ xã lên tỉnh đã được kết nối thông suốt, đảm bảo tốc độ và tính ổn định cơ bản đáp ứng yêu cầu truyền tải văn bản, dữ liệu lớn và phục vụ các hệ thống thông tin dùng chung của tỉnh.

+ Đã thực hiện rà soát, nâng cấp, bảo trì thường xuyên hệ thống máy tính, máy in, thiết bị quét (scanner) tại Trung tâm Phục vụ hành chính công theo nhiệm vụ được giao tại Phụ lục 2, đảm bảo các thiết bị có thể kết nối, vận hành các nền tảng dịch vụ công trực tuyến.

+ Cơ bản đảm bảo kết nối, truy cập và sử dụng hiệu quả các nền tảng dùng chung của tỉnh như Hệ thống Quản lý văn bản và Điều hành và Cổng Dịch vụ công Quốc gia.

+ Đã duy trì và cải thiện chất lượng đường truyền internet công cộng tại Trung tâm Phục vụ hành chính công và Nhà văn hóa xã, phục vụ người dân truy cập dịch vụ công và phổ cập kỹ năng số.

b. Tồn tại, hạn chế:

- Một số thiết bị công nghệ thông tin (máy tính, máy in) tại các phòng ban chuyên môn đã cũ, cấu hình thấp, chưa đáp ứng kịp thời tốc độ xử lý nghiệp vụ khi triển khai các hệ thống thông tin mới, đặc biệt là các phần mềm yêu cầu xử lý đồ họa, dữ liệu lớn.

- Hệ thống nguồn điện và mạng dự phòng chưa được trang bị đầy đủ, chưa đáp ứng được yêu cầu về vận hành liên tục 24/7, tiềm ẩn rủi ro gián đoạn dịch vụ hành chính công.

- Đồng bộ hóa: Việc đồng bộ hóa thiết bị ngoại vi (máy scan chuyên dụng, thiết bị ký số) với các hệ thống mới triển khai đôi lúc gặp khó khăn, cần sự hỗ trợ kỹ thuật từ cấp trên.

c. Đề xuất giải pháp:

- Đề nghị UBND tỉnh, Sở Khoa học và Công nghệ xem xét, bố trí nguồn kinh phí hỗ trợ đầu tư, thay thế trang thiết bị công nghệ thông tin đã lỗi thời tại cấp xã theo lộ trình, ưu tiên thiết bị tại Bộ phận Một cửa và phòng làm việc của công

chức chuyên môn.

- Đề nghị cung cấp Khung tiêu chuẩn kỹ thuật tối thiểu về cấu hình thiết bị (máy tính, máy chủ cục bộ - nếu có) cho cấp xã để đảm bảo khả năng vận hành đồng bộ và ổn định các phần mềm dùng chung.

- Kiến nghị tỉnh có chính sách hỗ trợ xây dựng hệ thống dự phòng cho các thiết bị trọng yếu và đường truyền Internet tại xã, nhằm đảm bảo khả năng ứng phó với sự cố.

3. Về công tác bồi dưỡng, phát triển nhân lực

a. Kết quả đạt được:

- Số cán bộ, công chức, viên chức: 36

- Số cán bộ, công chức, viên chức được bồi dưỡng kỹ năng số căn bản: 36

- Số cán bộ, công chức, viên chức làm chủ kỹ năng số, ứng dụng công nghệ trong quản lý, điều hành: 30

- Số cán bộ, công chức, viên chức chuyên trách chuyên đổi số: 01; Chuyên ngành của cán bộ, công chức, viên chức chuyên trách chuyên đổi số: Công nghệ thông tin.

- Đánh giá kết quả đạt được:

+ Đã tích cực triển khai thu thập, làm sạch và cập nhật dữ liệu phục vụ Đề án 06.

+ Cán bộ, công chức đã sử dụng hiệu quả các cơ sở dữ liệu dùng chung của tỉnh và các hệ thống thông tin chuyên ngành (như Hệ thống quản lý đất đai, Hệ thống thông tin thống kê xã hội). Dữ liệu văn bản trên Hệ thống Quản lý văn bản và Điều hành được số hóa đạt 100% và được lưu trữ có hệ thống.

+ Bước đầu thực hiện việc khai thác và sử dụng dữ liệu từ các cơ sở dữ liệu dùng chung để phục vụ công tác quản lý, điều hành và giải quyết thủ tục hành chính tại Trung tâm Phục vụ hành chính công, giúp rút ngắn thời gian xử lý hồ sơ.

b. Tồn tại, hạn chế:

- Tính đầy đủ và chất lượng: Chất lượng dữ liệu chuyên ngành (như dữ liệu về nông nghiệp, hộ nghèo/cận nghèo) do xã thu thập đôi khi chưa đồng bộ và chưa đầy đủ theo chuẩn dữ liệu chung của tỉnh. Việc số hóa hồ sơ lưu trữ lịch sử còn chậm do thiếu nhân lực và công cụ chuyên dụng.

- Kỹ năng phân tích và khai thác dữ liệu chuyên sâu của một số công chức kiêm nhiệm còn hạn chế, dẫn đến việc chưa tận dụng hết giá trị của dữ liệu số trong công tác hoạch định và dự báo.

- Cơ chế trao đổi, chia sẻ dữ liệu giữa các phòng ban nội bộ cấp xã chưa có

nền tảng đồng bộ, chủ yếu vẫn là thủ công qua hệ thống email hoặc văn bản giấy.

c. Đề xuất giải pháp:

- Đề nghị cấp trên có hướng dẫn chi tiết và hỗ trợ kỹ thuật để cấp xã thực hiện chuẩn hóa và làm sạch triệt để dữ liệu chuyên ngành, ưu tiên dữ liệu về địa chính, tài chính và an sinh xã hội.

- Tổ chức các lớp tập huấn chuyên sâu về kỹ năng thu thập, quản lý và phân tích dữ liệu số cho đội ngũ công chức kiêm nhiệm.

- Đề nghị tỉnh xem xét xây dựng nền tảng dữ liệu số cấp xã (hoặc tích hợp tính năng) cho phép các phòng ban nội bộ và các tổ chức đoàn thể có thể tra cứu, chia sẻ dữ liệu phục vụ nhiệm vụ chung một cách an toàn và thuận tiện.

4. Dữ liệu số

a. Kết quả đạt được:

- Sử dụng nền tảng dùng chung hiệu quả: Đã triển khai và sử dụng hiệu quả 100% các hệ thống thông tin dùng chung do tỉnh triển khai, bao gồm:

+ 100% văn bản trao đổi, luân chuyển nội bộ và liên thông giữa xã với cấp trên và các cơ quan đơn vị thuộc thẩm quyền quản lý được thực hiện dưới dạng điện tử và ký số, giúp tiết kiệm thời gian, chi phí và tăng tính minh bạch.

+ Cán bộ, công chức xã sử dụng thành thạo Công Dịch vụ công để tiếp nhận, xử lý và trả kết quả thủ tục hành chính trực tuyến, đảm bảo đúng quy trình và thời hạn giải quyết.

+ Công chức chuyên môn đã truy cập, khai thác các thông tin báo cáo, chỉ số điều hành được tổng hợp từ IOC cấp tỉnh để phục vụ công tác quản lý tại địa phương.

- Tích cực khai thác các tiện ích được tích hợp sẵn trên các nền tảng (ví dụ: tính năng lịch công tác, nhắc việc, giao việc điện tử) để nâng cao hiệu quả quản trị và điều hành nội bộ của UBND xã.

b. Tồn tại, hạn chế:

- Mặc dù các nền tảng dùng chung được sử dụng hiệu quả, song khả năng tích hợp và liên thông dữ liệu giữa các hệ thống thông tin chuyên ngành cấp xã với các nền tảng dùng chung của tỉnh chưa thực sự đồng bộ, đôi khi phải nhập liệu thủ công.

- Tốc độ truy cập và trải nghiệm người dùng trên một số nền tảng, đặc biệt vào các giờ cao điểm, chưa thực sự ổn định do hạn chế về cấu hình máy tính và tốc độ đường truyền tại xã.

- Khả năng tiếp cận, làm chủ các nền tảng công nghệ số mới (ví dụ: Trí tuệ nhân tạo (AI, IoT) để giải quyết các vấn đề đặc thù của cấp xã còn hạn chế do thiếu hướng dẫn cụ thể và nguồn lực kỹ thuật.

c. Đề xuất giải pháp:

- Đề nghị Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh chủ trì, hỗ trợ kỹ thuật để tăng cường tính năng liên thông dữ liệu giữa các hệ thống thông tin quản lý cấp xã (nếu có) với các nền tảng dùng chung của tỉnh.

- Đề nghị các đơn vị chủ quản nền tảng tối ưu hóa giao diện và tốc độ xử lý của hệ thống, đồng thời cung cấp các hướng dẫn chi tiết về khắc phục sự cố kỹ thuật thường gặp cho công chức cấp xã.

- Đề nghị tỉnh có kế hoạch giới thiệu và thử nghiệm các nền tảng công nghệ số mới (như các ứng dụng AI hỗ trợ phân tích dữ liệu, chatbot phục vụ người dân) phù hợp với quy mô và khả năng triển khai tại cấp xã.

5. An toàn thông tin mạng

a. Kết quả đạt được:

- Xã đã tuân thủ nghiêm ngặt các quy định về bảo đảm an toàn thông tin theo hướng dẫn của cấp trên; 100% máy tính làm việc được cài đặt và cập nhật định kỳ phần mềm bảo mật, diệt virus có bản quyền (hoặc theo quy định).

- Thực hiện nghiêm túc quy trình quản lý tài khoản và mật khẩu truy cập các hệ thống thông tin dùng chung, đảm bảo mỗi công chức sử dụng tài khoản cá nhân và thực hiện ký số theo quy định, tăng cường tính xác thực.

- Công chức được tham gia các buổi tập huấn, phổ biến kiến thức về nhận biết các nguy cơ mất an toàn thông tin mạng, các quy tắc sử dụng mạng Internet an toàn.

- Đã thiết lập quy trình và thực hiện sao lưu dữ liệu định kỳ (hàng tuần/hàng tháng) các văn bản và dữ liệu quan trọng của xã lên các hệ thống lưu trữ an toàn, đảm bảo khả năng phục hồi khi có sự cố.

b. Tồn tại, hạn chế:

- Xã chưa được trang bị các thiết bị, giải pháp bảo vệ chuyên phù hợp với môi trường làm việc cấp xã theo mô hình Chính quyền số.

- Việc cập nhật và áp dụng các chính sách, quy định mới về an toàn thông tin đôi lúc còn chậm so với tốc độ ban hành của các cơ quan Trung ương và của tỉnh.

c. Đề xuất giải pháp:

- Đề nghị Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh hoặc các đơn vị chuyên môn xây dựng cơ chế hỗ trợ kỹ thuật và ứng cứu sự cố 24/7 cho cấp xã, đồng thời có kế hoạch bồi dưỡng, nâng cao trình độ chuyên sâu về an toàn thông tin cho công chức kiêm nhiệm.

- Kiến nghị tỉnh trang bị hoặc cung cấp miễn phí các phần mềm/giải pháp

bảo mật chuyên dụng cho hệ thống máy tính công vụ tại cấp xã.

- Tăng cường phổ biến và yêu cầu tuân thủ nghiêm ngặt Quy tắc về An toàn thông tin mạng trong sử dụng máy tính và các hệ thống dùng chung, coi đây là nhiệm vụ thường xuyên của mọi công chức.

6. Chính quyền số

a. Kết quả đạt được:

- Dịch vụ công trực tuyến (DVC) và số hóa hồ sơ:

+ Chỉ tiêu hồ sơ: Tỷ lệ DVC trực tuyến có phát sinh hồ sơ của xã đạt trên 100% và tỷ lệ hồ sơ nộp trực tuyến đạt trên 80,8%, phản ánh sự chuyển dịch thói quen của người dân và doanh nghiệp.

+ Số hóa: Đã hoàn thành việc số hóa 100% hồ sơ giải quyết thủ tục hành chính tại Trung tâm Phục vụ hành chính công, phục vụ lưu trữ và tái sử dụng dữ liệu.

+ Thanh toán trực tuyến: Tích cực triển khai hướng dẫn người dân thực hiện thanh toán trực tuyến lệ phí (nếu có) thông qua Cổng Dịch vụ công, góp phần giảm thiểu việc sử dụng tiền mặt.

- Hệ thống quản lý văn bản và điều hành (QLVB):

+ 100% văn bản trao đổi giữa xã và cấp trên được thực hiện dưới dạng điện tử và ký số (trừ văn bản mật hoặc văn bản theo quy định), đảm bảo tính pháp lý và giảm đáng kể thời gian luân chuyển văn bản.

+ Xã đã áp dụng các tính năng giao việc, theo dõi tiến độ trên hệ thống QLVB, giúp nâng cao hiệu quả quản lý, điều hành nội bộ.

+ Tích cực ứng dụng công nghệ số để tổng hợp, phân tích dữ liệu phục vụ các cuộc họp giao ban, điều hành nội bộ, giúp nâng cao năng lực quản trị và ra quyết định dựa trên dữ liệu.

b. Tồn tại, hạn chế:

- Mặc dù tỷ lệ DVC phát sinh cao, nhưng tỷ lệ hồ sơ nộp trực tuyến toàn trình (người dân tự nộp tại nhà) vẫn chưa đạt kỳ vọng do thói quen giao dịch trực tiếp và yêu cầu về chứng thực điện tử.

- Khả năng ứng dụng các công nghệ mới như Trí tuệ nhân tạo (AI), chatbot hỗ trợ người dân tự động hóa việc tra cứu thông tin DVC còn chưa được triển khai tại cấp xã.

- Khả năng khai thác dữ liệu từ các hệ thống chuyên ngành để đưa ra các phân tích chuyên sâu (ví dụ: biến động dân cư, tình hình sử dụng đất đai) phục vụ hoạch định chính sách tại cấp xã còn hạn chế.

c. Đề xuất giải pháp:

- Đề nghị tỉnh có chính sách khuyến khích, ưu tiên giải quyết các hồ sơ được nộp trực tuyến toàn trình và tiếp tục cải thiện giao diện Cổng DVC để thân thiện hơn với người dùng lớn tuổi.

- Tổ chức các lớp bồi dưỡng chuyên sâu về kỹ năng sử dụng, khai thác triệt để các tính năng nâng cao của hệ thống QLVB và các hệ thống quản trị, điều hành.

- Đề nghị tỉnh xem xét thí điểm triển khai các giải pháp ứng dụng AI hỗ trợ công chức giải quyết thủ tục hành chính hoặc các công cụ tự động hóa quy trình nghiệp vụ tại cấp xã để nâng cao hiệu suất công việc.

7. Phát triển Kinh tế số

a. Kết quả đạt được:

- Đã đẩy mạnh tuyên truyền, hướng dẫn và hỗ trợ 100% hộ kinh doanh, cá nhân trên địa bàn tham gia thương mại điện tử. Đặc biệt, đã hỗ trợ 07 sản phẩm OCOP hoặc sản phẩm đặc trưng của xã được đưa lên các sàn giao dịch điện tử.

- Tích cực thúc đẩy việc thanh toán không dùng tiền mặt (Mobile Money, QR Code) trong các hoạt động mua bán, giao dịch tại các chợ, cửa hàng tiện lợi. Phối hợp với các ngân hàng, doanh nghiệp viễn thông để tổ chức các buổi hướng dẫn mở tài khoản thanh toán số cho người dân trưởng thành, đạt 80% tỉ lệ người dân trưởng thành có tài khoản thanh toán số.

- Hỗ trợ các hộ kinh doanh cá thể ứng dụng các nền tảng quản lý bán hàng cơ bản (ví dụ: hóa đơn điện tử, phần mềm tính tiền) để tối ưu hóa quy trình hoạt động, bước đầu hình thành môi trường kinh doanh số tại địa phương.

b. Tồn tại, hạn chế:

- Mặc dù số lượng hộ kinh doanh tham gia thương mại điện tử đã tăng, nhưng quy mô giao dịch còn nhỏ và tính bền vững trong việc vận hành, duy trì gian hàng trực tuyến chưa cao.

- Thói quen sử dụng tiền mặt vẫn còn phổ biến, đặc biệt là trong các giao dịch nhỏ lẻ, dẫn đến tỉ lệ thanh toán không dùng tiền mặt chưa đạt mức kỳ vọng.

- Kỹ năng số của các hộ kinh doanh chủ yếu dừng ở mức cơ bản (sử dụng Zalo, Facebook), chưa làm chủ được các kỹ năng chuyên sâu về marketing số, quản lý kho hàng và logistics điện tử.

c. Đề xuất giải pháp:

- Đề nghị UBND tỉnh, Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh tổ chức các chương trình đào tạo, tập huấn chuyên sâu về kỹ năng bán hàng trên thương mại điện tử, marketing số và quản lý chuỗi cung ứng số cho các hộ kinh doanh tại cấp xã.

- Đề nghị có chính sách khuyến khích, ưu đãi (như hỗ trợ phí giao dịch, phí quảng cáo) cho các hộ kinh doanh thực hiện giao dịch hoàn toàn qua kênh số hoặc thanh toán không dùng tiền mặt.

- Nghiên cứu và thí điểm triển khai các ứng dụng/nền tảng kinh tế số phù hợp với ngành nghề đặc thù của xã (ví dụ: ứng dụng kết nối cung-cầu sản phẩm nông nghiệp, du lịch cộng đồng số) để tạo ra giá trị kinh tế mới.

8. Phát triển Xã hội số

a. Kết quả đạt được:

- Tổ công nghệ số cộng đồng (TCSCĐ):

+ Đã hoàn thành 100% việc thành lập và duy trì hoạt động của Tổ công nghệ số cộng đồng tại tất cả các xóm trên địa bàn xã (theo chỉ tiêu Kế hoạch 19/KH-UBND). Các Tổ được kiện toàn với thành phần nòng cốt là đoàn viên, thanh niên và những người có kiến thức công nghệ, đảm bảo khả năng hỗ trợ tại chỗ.

+ Các Tổ đã tổ chức ra quân, đi từng ngõ, gõ từng nhà để phổ cập kỹ năng số, tập trung vào đối tượng người cao tuổi và người lao động phổ thông.

- Ứng dụng số cơ bản:

+ Các Tổ đã tích cực hỗ trợ người dân cài đặt và kích hoạt thành công ứng dụng VNeID (mức độ 2), sử dụng dịch vụ công trực tuyến (nhóm thủ tục thiết yếu), và hướng dẫn thanh toán số (Mobile Money, QR Code) trong các giao dịch đời sống, giúp tỉ lệ người dân trưởng thành có tài khoản thanh toán số đạt 80%.

+ Phối hợp với các trường học triển khai ứng dụng công nghệ số trong giáo dục số liên lạc điện tử, nền tảng học trực tuyến) để nâng cao nhận thức và kỹ năng số cho thế hệ trẻ.

- Đã thực hiện việc công khai các thông tin hành chính, tuyên truyền chính sách của xã qua các kênh số (Trang thông tin điện tử, Facebook, Zalo), giúp người dân dễ dàng tiếp cận thông tin chính thống.

b. Tồn tại, hạn chế:

- Kinh phí và cơ chế hỗ trợ hoạt động của Tổ công nghệ số cộng đồng còn hạn chế, chủ yếu là kinh phí lồng ghép, chưa tạo được động lực mạnh mẽ và duy trì hoạt động thường xuyên, bền vững.

- Vẫn còn khoảng cách về kỹ năng số giữa các nhóm đối tượng (người trẻ/người lớn tuổi, người ở khu vực trung tâm/khu vực xa trung tâm), đặc biệt là kỹ năng sử dụng các ứng dụng phức tạp hơn ngoài DVC và thanh toán cơ bản.

- Chưa có nền tảng học tập số cộng đồng chuyên biệt để cung cấp các khóa học miễn phí, chính thống về kỹ năng số, an toàn thông tin phù hợp với trình độ

của người dân cấp xã.

c. Đề xuất giải pháp:

- Đề nghị cấp tỉnh xem xét bố trí nguồn kinh phí thường xuyên, ổn định cho hoạt động của Tổ công nghệ số cộng đồng, đồng thời có chính sách thi đua, khen thưởng kịp thời để động viên các thành viên tích cực.

- Đề nghị Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh xây dựng và cung cấp bộ tài liệu/video hướng dẫn kỹ năng số chuyên đề (ví dụ: kỹ năng bảo vệ thông tin cá nhân, sử dụng dịch vụ công y tế, giáo dục) để TCSCĐ sử dụng.

- Đề nghị hỗ trợ cấp xã xây dựng các điểm truy cập số công cộng tại Nhà văn hóa xã/xóm với trang thiết bị cơ bản và kết nối Internet tốc độ cao, phục vụ người dân thực hành và sử dụng dịch vụ công.

9. Kinh phí thực hiện

a. Kết quả đạt được:

- Kinh phí thực hiện các nhiệm vụ chuyên đổi số năm 2025 chủ yếu được lồng ghép trong dự toán chi thường xuyên của xã, đảm bảo tuân thủ nguyên tắc quản lý tài chính và tiết kiệm ngân sách.

- Nguồn kinh phí lồng ghép đã được ưu tiên phân bổ có trọng tâm, tập trung chủ yếu cho các hoạt động tuyên truyền, phổ biến nâng cao nhận thức số, các chương trình tập huấn kỹ năng số cơ bản cho cán bộ, công chức và người dân.

- Đã bố trí kinh phí hỗ trợ kịp thời cho hoạt động của Tổ công nghệ số cộng đồng tại các xóm (ví dụ: chi phí tài liệu in ấn, công tác phí cho các buổi ra quân), góp phần duy trì và thúc đẩy hoạt động của Tổ.

- Duy trì hạ tầng: Đảm bảo kinh phí cần thiết cho công tác bảo trì, bảo dưỡng thường xuyên các thiết bị công nghệ thông tin hiện có và duy trì kết nối Internet phục vụ công tác tại Trung tâm Phục vụ hành chính công.

(Chi tiết tại Phụ lục đính kèm)

b. Tồn tại, hạn chế:

- Việc lồng ghép khiến kinh phí dành cho CĐS bị giới hạn, khó thực hiện các nhiệm vụ mang tính đột phá hoặc đầu tư tài sản cố định lớn.

- Hầu hết kinh phí chi đủ để chi cho hoạt động thường xuyên, không đủ để đầu tư nâng cấp, thay thế đồng bộ các thiết bị đã cũ, cấu hình thấp tại các phòng ban chuyên môn theo yêu cầu của các hệ thống thông tin mới.

- Chưa có kinh phí để xây dựng cơ chế khen thưởng, động viên kịp thời đối với các cá nhân, tập thể có thành tích xuất sắc trong công tác CĐS, đặc biệt là các thành viên Tổ công nghệ số cộng đồng hoạt động tích cực.

c. Đề xuất giải pháp:

- Đề nghị UBND tỉnh, Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh xem xét bố trí nguồn kinh phí hỗ trợ có mục tiêu riêng cho cấp xã trong các năm tiếp theo, tập trung vào đầu tư hạ tầng số và phát triển nhân lực số.

- Kiến nghị tỉnh có chính sách hỗ trợ tài chính hoặc cung cấp tài sản để cấp xã có thể thực hiện việc nâng cấp, thay thế đồng bộ các trang thiết bị máy tính, mạng đã xuống cấp, đảm bảo yêu cầu vận hành ổn định.

- Đề nghị xây dựng hướng dẫn chi tiết về cơ chế tài chính đặc thù cho các hoạt động chuyển đổi số tại cấp xã, bao gồm cả khoản chi cho hoạt động nghiên cứu, thử nghiệm công nghệ và chi cho công tác khen thưởng, khuyến khích.

III. ĐÁNH GIÁ CHUNG

1. Thuận lợi

Trong năm 2025, công tác chuyển đổi số của xã Giao Minh đã nhận được sự quan tâm, chỉ đạo kịp thời, sát sao của Tỉnh ủy, UBND tỉnh, đặc biệt là sự hướng dẫn chuyên môn thường xuyên và cung cấp các nền tảng dùng chung từ Sở Khoa học và Công nghệ, tạo cơ sở pháp lý và kỹ thuật vững chắc. Cấp ủy, chính quyền xã đã thể hiện tinh thần trách nhiệm cao và sự quyết tâm đồng lòng trong việc triển khai, với vai trò tiên phong của người đứng đầu trong lãnh đạo, chỉ đạo điều hành. Đặc biệt, sự hưởng ứng tích cực của người dân và sự nhiệt tình, tự nguyện của các thành viên Tổ công nghệ số cộng đồng xã, là yếu tố then chốt để phổ cập kỹ năng số và thúc đẩy dịch vụ công trực tuyến tại cơ sở.

2. Khó khăn, tồn tại, hạn chế

Mặc dù đạt được nhiều kết quả, công tác chuyển đổi số vẫn đối diện với những khó khăn nhất định. Nguồn kinh phí dành riêng cho nhiệm vụ chuyển đổi số tại cấp xã còn hạn hẹp, chủ yếu là kinh phí lồng ghép, khiến việc đầu tư đồng bộ, nâng cấp hạ tầng số và mua sắm thiết bị chuyên dụng gặp nhiều trở ngại. Đội ngũ nhân sự tại xã chưa qua đào tạo chuyên sâu về an toàn thông tin và phân tích dữ liệu, dẫn đến khả năng xử lý các vấn đề kỹ thuật phức tạp còn phụ thuộc vào hỗ trợ từ cấp trên. Ngoài ra, thói quen giao dịch truyền thống và tâm lý e ngại thay đổi của một bộ phận người dân, đặc biệt là người cao tuổi, vẫn còn phổ biến, ảnh hưởng đến tỉ lệ hồ sơ nộp trực tuyến toàn trình và tốc độ phổ cập thanh toán số.

3. Nguyên nhân

Các tồn tại, hạn chế nêu trên xuất phát từ cả nguyên nhân chủ quan và khách quan. Về nguyên nhân khách quan, cơ sở vật chất kỹ thuật của xã chưa được đầu tư đồng bộ, nhiều thiết bị đã cũ, cấu hình thấp, chưa theo kịp tốc độ phát triển của các hệ thống thông tin dùng chung mới triển khai. Bên cạnh đó, các chính sách về tài chính, đầu tư cho chuyển đổi số tại cấp xã còn thiếu tính đột phá. Về nguyên

nhân chủ quan, mặc dù có sự quyết tâm, song công chức kiêm nhiệm chưa được đầu tư thời gian để tự nghiên cứu, bồi dưỡng nâng cao năng lực chuyên môn sâu. Đôi khi, công tác lãnh đạo, chỉ đạo còn tập trung vào hoàn thành chỉ tiêu định lượng mà chưa có sự đánh giá, phân tích sâu sắc về hiệu quả, chất lượng và tác động xã hội của chuyển đổi số.

4. Bài học kinh nghiệm

Qua quá trình triển khai, xã Giao Minh rút ra một số bài học kinh nghiệm quan trọng. Thứ nhất, cần xác định rõ vai trò tiên phong và tính gương mẫu của người đứng đầu trong chỉ đạo điều hành, coi chuyển đổi số là nhiệm vụ trọng tâm, thường xuyên, không chỉ là công việc của riêng bộ phận công nghệ thông tin. Thứ hai, phải phát huy triệt để vai trò của Tổ công nghệ số cộng đồng là cánh tay nối dài, trực tiếp hỗ trợ người dân, tạo sự đồng thuận xã hội. Cần có cơ chế hỗ trợ và động viên kịp thời để Tổ hoạt động hiệu quả, bền vững. Thứ ba, cần thay đổi phương thức làm việc từ truyền thống sang quản trị dựa trên dữ liệu, tức là phải chuẩn hóa, làm sạch và khai thác dữ liệu từ các hệ thống thông tin dùng chung để phục vụ công tác điều hành, quản lý, hoạch định chính sách tại địa phương.

IV. ĐỀ XUẤT CÁC CHỈ TIÊU, NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM NĂM 2026

1. Chỉ tiêu chuyển đổi số năm 2026

Căn cứ vào mục tiêu chung của tỉnh và kết quả thực hiện năm 2025, Ủy ban nhân dân xã Giao Minh đề xuất các chỉ tiêu chuyển đổi số năm 2026 với mức độ tăng trưởng và nâng cao chất lượng so với năm trước.

- Về Chính quyền số, xã đề xuất phấn đấu đạt tỉ lệ Dịch vụ công trực tuyến có phát sinh hồ sơ của xã đạt $\geq 80\%$, đồng thời tăng tỉ lệ hồ sơ nộp trực tuyến (từ Cổng DVC) đạt $\geq 40\%$, tập trung vào nhóm thủ tục hành chính thiết yếu.

- 100% xóm duy trì hoạt động hiệu quả của Tổ công nghệ số cộng đồng, và tăng thêm 10% tỉ lệ người dân trưởng thành có tài khoản thanh toán số hoặc Mobile Money so với năm 2025.

- 100% cán bộ, công chức được tập huấn về kiến thức an toàn thông tin cơ bản, đảm bảo môi trường làm việc an toàn trên không gian mạng.

2. Nhiệm vụ trọng tâm chuyển đổi số năm 2026

- Tiếp tục kiện toàn, củng cố hoạt động của Ban Chỉ đạo Chuyển đổi số và Tổ công nghệ số cộng đồng theo hướng chuyên nghiệp hóa, có định hướng rõ ràng về phổ cập kỹ năng số và hỗ trợ người dân sử dụng dịch vụ công.

- Đẩy mạnh tuyên truyền, hướng dẫn người dân, doanh nghiệp sử dụng Dịch vụ công trực tuyến toàn trình và một phần, tập trung vào nhóm thủ tục hành chính thiết yếu phát sinh nhiều hồ sơ.

- Nghiêm túc triển khai thực hiện việc nâng cấp, bảo trì trang thiết bị công nghệ thông tin theo hướng dẫn và hỗ trợ từ tỉnh, ưu tiên thiết bị tại Bộ phận Một cửa và các phòng ban chuyên môn.

- Tăng cường ứng dụng công nghệ số trong công tác quản lý đất đai, hộ tịch, thống kê và các lĩnh vực chuyên môn khác, hướng tới việc ra quyết định dựa trên dữ liệu.

- Tiếp tục thúc đẩy các giải pháp thanh toán số trong giao dịch thương mại, dịch vụ tại địa phương, phối hợp với các tổ chức tín dụng và doanh nghiệp viễn thông để mở rộng mạng lưới thanh toán không dùng tiền mặt, góp phần phát triển Kinh tế số xã.

Trên đây là Báo cáo tình hình, đánh giá kết quả chuyển đổi số năm 2025 trên địa bàn xã Giao Minh, UBND xã trân trọng báo cáo./.

Nơi nhận:

- UBND tỉnh;
 - Sở KH&CN;
 - TT Đảng ủy, HĐND xã;
 - Các đ/c Lãnh đạo UBND xã;
 - Lưu: VT, VHXH.
- (đề b/c)

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Nguyễn Viết Sự